

## ĐỊA DANH Ở LẠNG SƠN: MẤY CÂU HỎI CÒN BỎ NGỎ

PGS. TS Ngôn ngữ học. **VƯƠNG TOÀN**  
Viện Thông tin Kinh tế Xã hội

### 1. Mở đầu

**D**ịa danh có ích cho ngôn ngữ học lịch sử. Sau nhiều năm tìm tòi suy ngẫm, Lê Trung Hoa viết; “qua việc nghiên cứu địa danh, ta sẽ biết lịch sử chính trị của một vùng, một nước, lịch sử văn hoá của một dân tộc, hiện tượng tiếp xúc ngôn ngữ giữa các dân tộc đã sống trên vùng đất ấy, tâm lý những người đã tạo ra các địa danh đó, lịch sử ngôn ngữ của các thời đại xa xưa”<sup>1</sup>.

Lạng Sơn là một tỉnh miền núi phía Đông Bắc của Việt Nam có biên giới giáp với tỉnh Quảng Tây của nước CHND Trung Hoa dài 253km và giáp ranh với các tỉnh Cao Bằng, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Bắc Giang và Quảng Ninh.

Tỉnh có 11 đơn vị hành chính là: thành phố Lạng Sơn và các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Văn Quan, Văn Lãng, Tràng Định, Hữu Lũng, Chi Lăng, Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập, với tổng diện tích tự nhiên là 8.187,25km<sup>2</sup>.

Là nơi chung sống của nhiều dân tộc anh em, trong đó đông nhất là Nùng chiếm 42,96% và Tày chiếm 35,91% - hai dân tộc này chiếm 78,87%; dân tộc Kinh chiếm 16,49%, dân tộc Dao chiếm 3,46%, dân tộc Hoa, dân tộc Sán Chay (ngoài ra còn một số dân tộc khác như: Thái, Mường, Ê Đê, Sán Diu... Số lượng chỉ vài chục, hoặc trăm người).

Khảo sát phân tích địa danh ở một vùng dân tộc thiểu số, ta thấy nổi trội lên một lớp địa danh bằng tiếng dân tộc phổ biến trong

vùng - ở Lạng Sơn là ngôn ngữ của người Tày, người Nùng, và đương nhiên một số địa danh còn ghi những dấu ấn lịch sử - mà để xác định thì có khi còn phải tiếp tục sâu tầm nghiên cứu, như trong những nhận xét bước đầu của chúng tôi dưới đây.

### 2. Tìm hiểu về địa danh ở Lạng Sơn: Một số câu hỏi còn bỏ ngỏ

2.1. Có thể chia các địa danh thu thập được ở Lạng Sơn ra thành các loại chủ yếu như sau: tên dân tộc, tên Hán - Việt và tên Việt.

Tên dân tộc, là địa danh do người dân tộc tự đặt (đọc/ghi chính xác) bằng tiếng/chữ dân tộc (Cần lưu ý sự khác biệt về ngữ âm có thể xảy ra trong trường hợp cùng sử dụng chữ latin)<sup>2</sup>.

Phần lớn địa danh dưới cấp xã: làng bản, chòm xóm, suối khe đều có tên bằng ngôn ngữ phổ biến trong vùng là tiếng của các dân tộc Tày-Nùng ..

Về nguyên tắc, các địa danh này có thể dịch nghĩa ra tiếng phổ thông, tức tiếng Việt.

Ta có thể tập hợp các địa danh này thường là chuỗi âm Tày-Nùng song tiết, có nghĩa, mà âm tiết đầu vốn là một từ khái quát. Song cũng có những địa danh mà âm tiết thứ hai dường như không có nghĩa, có thể là do những biến đổi ngôn ngữ đã diễn ra trong lịch sử, nên ngày nay ta không thể suy diễn được hết nghĩa của chúng. Đó là: **Bản** (= làng), **Bó** (= mạch nước/giếng), **Chang** (= giữa), **Cốc** (= Gốc), **Cốp** (= ếch), **Kéo** (= Đèo), **Khau** (= núi có cây, rừng), **Khôn** (= lông), **Khuổi** (= suối), **Lù** (= lỗ),

<sup>1</sup>Nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh (Địa danh thành phố Hồ Chí Minh. H., NXB KHXH, 2003, tr.10)

<sup>2</sup>Vương Toàn - Một số nhận xét về địa danh Tày - Nùng. Tạp chí Địa chính 2008, số 1, tr.41-44



**Lũng** (= lũng), **Nà** (= ruộng), **Pác** (= miêng), **Phai** (= đập), **Pò** (= núi), **Phja** (= núi đá), **Tả** (= sông), **Tênh** (= trên), **Thôm** (= ao), **Tổng** (= đồng), **Vằng** (= vực),.....

Đáng chú ý là có những trường hợp, cho đến nay trong đời sống thường ngày của người dân địa phương vẫn sử dụng những cách gọi truyền thống trong giao tiếp bằng ngôn ngữ dân tộc với nhau. Ví dụ: *Háng Si/xêc = Bản Tích, Háng Van = Hội Hoan, Cầu Pung = Thất Khê, Khau Lừ = Kỳ Lừa*.

2. 2. Một câu hỏi thường được đặt ra cách lý giải ý nghĩa các yếu tố hợp thành địa danh. Tìm lại cái nghĩa ban đầu của một địa danh đôi khi không dễ, bởi chúng ta biết rằng rất có thể là do "tên gọi không liên quan gì đến bản chất sự vật".

Câu chuyện về *Khau Lừ = Kỳ Lừa, Háng Tằng = Đồng Đăng* là ví dụ: *Khau Lừ*, tiếng dân tộc có nghĩa là "đôi con lừa". Tên tiếng Việt nay là Kỳ Lừa. Trong dân gian vẫn lưu truyền rằng: Ngày xưa, có một con lừa rất khôn của quan quân triều đình, đóng ở Đoàn Thành (thành Lạng Sơn) được thả rông sang núi Kỳ Cấp để ăn cỏ. Đến chiều tối, nó tự biết bơi qua sông trở về. Khôn đến như vậy thì thật kỳ...

Lối hiểu đơn giản và có phần ngây thơ này không được giới nghiên cứu chấp nhận, nhưng hai chữ "Kỳ Lừa" thực là gì thì vẫn còn là câu hỏi đang chờ...

Phố Kỳ Lừa xưa thuộc xã Vĩnh Trại châu Thoát Lãng. Nơi đây vốn là vùng gò đồi hoang sơ, ở về bờ bắc sông Kỳ Cùng. Đến cuối thế kỷ XVII được đô đốc Thân Công Tài chú ý đến, cho mở mang thành bảy con đường, lập nên bảy phường phố để nhân dân địa phương đến làm ăn sinh sống. Lâu ngày, nơi đây trở thành nơi hội tụ (sử cũ gọi là Bạc dịch trường), thu hút cả thương nhân Trung Quốc đến ở và kinh doanh.

Phố chợ Kỳ Lừa nhanh chóng trở thành một thương trường nơi ải Bắc, quần tụ, khiên

bộ mặt của trấn lỵ nơi biên cương xứ Lạng đã thay đổi bộ mặt vào cuối thế kỷ XVII.

Và Kỳ Lừa đi vào ca dao đã trở thành quen thuộc:

*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa*

*Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh,...*

Nhưng *Đồng Đăng* lại chỉ là một thị trấn nhỏ nằm về phía tây bắc, cách Kỳ Lừa 14km đường bộ.

Phố Kỳ Lừa nay chỉ còn là tên hai dãy phố dọc hai bên chợ Kỳ Lừa, thuộc địa phận phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn.

Khó lý giải từ có với người địa phương, đôi khi người ta đã thay *Đồng Đăng* bằng *Lạng Sơn* cho hợp "lôgic".

2.3. Một câu hỏi khác đặt ra về nguồn gốc của địa danh *Na Sầm*.

*Na Sầm* nằm ở trung tâm huyện Văn Lãng, hiện là trung tâm kinh tế, văn hoá - xã hội của huyện này ở Lạng Sơn. Nay là *thị trấn*, trước đây được gọi là *phố*. Nhưng trước nữa thì sao? Liệu địa danh *Na Sầm* ngày nay có phải vốn được người dân địa phương gọi là *Nà Châm* (Ruộng Tẻ), tương tự như hàng loạt địa danh bắt đầu bằng *Nà*... ở vùng này?

Thật vậy, ta có thể kể một loạt địa danh ở vùng này thường là chuỗi âm Tày-Nùng song tiết, có nghĩa, mà âm tiết đầu vốn là một từ khái quát, đáng chú ý ở đây là: **Nà** (= ruộng). Đó là: *Nà Áng* (= Ruộng Chậu), *Nà Cườm* (= Ruộng Trám trắng), *Nà Đeng* (= Ruộng Đỏ), *Nà Lặng* (= Ruộng Cạn), *Nà Tênh* (= Ruộng Trên),...

Địa danh bắt đầu bằng yếu tố *Nà* (đôi khi biến âm thành *Na*) phổ biến trong cả vùng Việt Bắc (như: *Na Hang, Na Rì,...*) và cũng xuất hiện ở vùng Tây Bắc (như: *Nà Sản,...*) là nơi cư trú phổ biến các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái.



Khi tham khảo tài liệu in, kể cả bản đồ thời Pháp trước đây, *Cha Pa, Na Cham*,... được ghi cho *Sa Pa, Na Săm*,... Trong số mười bức ảnh đều ghi địa danh là *Na Cham* thời thuộc Pháp, có 3 bức được chú thích rõ ràng: N35 03725 *Vue sur Na Cham Lang Son*.

Cho đến cuối những năm 50 đầu những năm 60 của thế kỷ XX, những cột cây số trên đường quốc lộ số 4 ở đoạn này vẫn thấy ghi: NACHAM ...km.

Trên một trang điện tử, ta đọc được:

Na Săm, Lạng Sơn, Vietnam: Also known as Na Cha, Na Cham<sup>3</sup>

Trên bản đồ ở một trang điện tử, ta còn bắt gặp cách ghi tương tự, nhưng lại thay m-bằng -n: Na Chan<sup>4</sup>.

Như thế, liệu có phải do người Pháp trước đây theo thói quen lược bỏ dấu phụ nên đã ghi *Nà Chăm* thành *Na Cham*. Rồi do *ch* tiếng Pháp được phát âm tương ứng với *s*

tiếng Việt, nên về sau người ta đó phỏng âm mà phiên chuyển thành *Na Săm*? Quy luật phỏng âm này đã diễn ra phổ biến khi ta mượn tiếng Pháp<sup>5</sup>.

Rồi vì không biết rõ câu chuyện này, trong công trình mới dịch từ tiếng Pháp ra tiếng Việt gần đây, khi gặp địa danh này, người ta suy đoán mà chuyển dịch không nhất quán, lúc đầu thành *Na Châm*<sup>6</sup> (tr 150), về sau lại thành *Na Chàm* (tr 154, 155), đều là những địa danh không thấy có trong thực tế hiện nay.

Tuy vậy, các nhà nghiên cứu biết đến *Na Chàm*, được ghi lại trong các tài liệu lưu trữ về làng xã; địa danh này thuộc *châu Thoát (Lăng)* xưa, nhưng thuộc xã Gia Miễn, không phải thuộc An Hoá. Trong khi đó, ở An Hoá, thấy có *Bản Tích*, bên cạnh *Khun Cuôn, Thâm Mè, Cóp Kẻ, Lũng Vả, Lũng Cùn, Nà Tênh, Nà Khách, Nà Sáng, Tênh Chè, Bản Dừa, Bản Gia, Hìn Đeng, Bản Hu Đãng, Bản Hu Nooc*<sup>7</sup>



[http://www.tuikhon.com/suutap/dialy/t\\_langson.html](http://www.tuikhon.com/suutap/dialy/t_langson.html)

<sup>3</sup>[http://travelingluck.com/Asia/Vietnam/L%E1%BA%A1ng+S%C6%A1n/\\_1572898\\_Na+S%E1%BA%A7m.html#local\\_map](http://travelingluck.com/Asia/Vietnam/L%E1%BA%A1ng+S%C6%A1n/_1572898_Na+S%E1%BA%A7m.html#local_map)

<sup>4</sup>[http://www.tuikhon.com/suutap/dialy/t\\_langson.html](http://www.tuikhon.com/suutap/dialy/t_langson.html)

<sup>5</sup>Vương Toàn - *Từ gốc Pháp trong tiếng Việt*. Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội, 1992, 152 tr.

<sup>6</sup>Các công trình giao thông công chính Đông Dương. H., NXB Giao thông Vận tải, 1998 (dịch từ: *Les travaux publics de l'Indochine*, 1926).

<sup>7</sup>Vũ Thị Minh Hương, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin - *Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc Kỳ*. H., NXB VHNT, 1999, tr 571-580.



Vậy mà từ lâu, *Bản Tích* là một phần của *Na Sầm*!

Một câu hỏi vẫn đang còn bỏ ngỏ: Liệu có phải đã xảy ra chuỗi biến đổi về tên gọi, đã là:

*Na Sầm* <= *Na Cham* <= *Nà Châm* (Ruộng Tẻ)?

### 3. Kết luận

Việc khảo cứu địa danh (tên đất, tên núi, tên sông,...) không chỉ cần cho việc xác lập vị trí đích thực trên bản đồ mà còn có thể góp phần tìm về nguồn gốc các tộc người, được bảo lưu qua các dấu ấn ngôn ngữ.

Việc phiên chuyển từ âm địa phương sang tiếng Việt thường gặp trở ngại và dễ không thống nhất do hệ ngữ âm không hoàn toàn tương đồng giữa các thứ tiếng, nên vấn đề đặt ra là cần phiên chuyển sang tiếng

Việt thế nào cho chính xác nhất, hoặc ít ra là gần âm gốc nhất, khi không có sự tương ứng về âm/chữ và thanh điệu.

Bước vào thao tác cụ thể, người ta không khỏi lúng túng chẳng hạn như một khi đối chiếu với tiếng Việt thì một số tiếng dân tộc có số lượng phụ âm đầu/cuối và thanh điệu không có sự tương ứng với tiếng Việt, chẳng hạn như tiếng Việt không có /-j/ hay thanh lửng như ngôn ngữ của người Tày, người Nùng,... Đáng chú ý là có những âm không tồn tại chỉ vì không có nghĩa trong tiếng Việt (như: khâu, thôm,...) nên cũng dễ bị phiên chuyển sai lạc.

Câu chuyện về địa danh do vậy trở thành một vấn đề liên ngành, và nó luôn khiến cho các nhà nghiên cứu thuộc chuyên ngành khoa học khác nhau xích lại gần nhau hơn, trong đó có những việc xoay quanh những câu hỏi đặt ra cho địa danh học.○

## PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT.....

(Tiếp theo trang 59)

[4]. UBND huyện Mộc Châu. *Báo cáo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết xã Đông Sang đến năm 2010.*

### Summary

ANALYSIS LAND USE STATUS OF ETHNIC MINORITIES FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT AT DONG SANG COMMUNE, MOC CHAU DISTRICT, SON LA PROVINCE

*Asoc. Prof. Tran Van Tuan*

*MSc. Nguyen Xuan Son*

*Faculty of Geography, Hanoi University of Science*

Recently, the sustainable development at the mountainous regions in general and at the Dong Sang commune, Moc Chau district, Son La province in particular bases fundamentally on the exploiting, using and protecting status of land resource. By mean of analysis land use status of the ethnic minorities at the Dong Sang Commune indicating that: applying the suitable cultivating methods on the sloping land are not good enough; protective forest at the high mountain region of the commune is not protected that led to the erosion and the land quality has reduced. This article mention some solutions which contribute to the substantial using orientation of land resource at Dong Sang commune including: building and reconstructing the road and irrigation systems; establishing the substantial economic - ecological models for farmer households; encouraging cultivate the verdure, bean, peanut and grass bands on the sloping land to protect the land and environment.○

[5]. FAO. *Sustainable agriculture and rural development*, Bachground document N<sup>o</sup>5 FAO/NETHERLANDS conference, 15 - 19 April, 1991.○